BỘ CÔNG AN --------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 17/2013/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013*

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THĂNG CẤP BẬC HÀM, NÂNG BẬC LƯƠNG ĐỐI VỚI SĨ QUAN, CÔNG NHÂN VIÊN CÔNG AN KHI NGHỈ HƯU

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 43/2007/NĐ-CP ngày 26/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương đối với sĩ quan, công nhân viên công an khi nghỉ hưu,

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương đối với sĩ quan, công nhân viên công an khi nghỉ hưu.

Việc xét thăng cấp, nâng lương cấp bậc hàm đối với sĩ quan cấp tướng trong Công an nhân dân khi nghỉ hưu thực hiện theo quy định riêng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng:

a) Sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan chuyên môn kỹ thuật (sau đây gọi chung là sĩ quan);

b) Công nhân viên công an.

2. Đối tượng không áp dụng:

a) Lao động hợp đồng trong Công an nhân dân;

b) Sĩ quan bị kỷ luật tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc công nhân viên công an bị buộc thôi việc.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Việc xét thăng cấp, nâng bậc lương đối với sĩ quan, công nhân viên công an khi nghỉ hưu chỉ thực hiện một lần trước khi nghỉ chờ hưu hoặc trước khi hưởng chế độ hưu trí.

2. Không căn cứ cấp bậc hàm sĩ quan được thăng trước khi nghỉ hưu để xác định lại hạn tuổi phục vụ.

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương

Sĩ quan, công nhân viên công an nghỉ hưu được xét thăng cấp, nâng bậc lương khi cấp bậc hàm, bậc lương đang hưởng thấp hơn hoặc bằng cấp bậc hàm, bậc lương cao nhất quy định đối với chức vụ, chức danh đảm nhiệm và đảm bảo đủ tiêu chuẩn, thời hạn, cụ thể như sau:

1. Sĩ quan, công nhân viên công an khi nghỉ chờ hưu đã hưởng cấp bậc hàm, bậc lương được 2/3 niên hạn trở lên và trong thời gian đó không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (cả về đảng, chính quyền, đoàn thể) thì được xét thăng cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương liền kề trước khi nghỉ chờ hưu 03 tháng. Nếu đến thời điểm hưởng chế độ hưu trí mới đủ điều kiện hưởng cấp bậc hàm, bậc lương được 2/3 niên hạn trở lên thì được xét thăng cấp bậc hàm hoặc nâng bậc lương liền kề trước khi hưởng chế độ hưu trí 03 tháng.

Riêng sĩ quan đã hưởng lương cấp bậc hàm lần 2 thì được xét thăng cấp bậc hàm liền kề trước khi nghỉ chờ hưu 06 tháng (trừ đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 7 Thông tư này);

2. Trong thời gian hưởng cấp bậc hàm hoặc bậc lương trước khi nghỉ hưu, nếu sĩ quan, công nhân viên công an bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (cả về đảng, chính quyền, đoàn thể) thì phải đủ niên hạn mới được xem xét thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương trước thời điểm nghỉ chờ hưu 03 tháng (nếu đủ điều kiện vào thời điểm nghỉ chờ hưu) hoặc trước thời điểm hưởng chế độ hưu trí 03 tháng (nếu đủ điều kiện vào thời điểm hưởng chế độ hưu trí);

3. Sĩ quan chưa là đảng viên khi nghỉ hưu, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thời hạn theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này thì được xét nâng bậc lương liền kề. Trường hợp cấp bậc hàm đang hưởng thấp hơn cấp bậc hàm Đại úy thì đồng thời được xét thăng cấp bậc hàm liền kề;

4. “Niên hạn” thăng cấp, nâng bậc lương theo quy định tại Thông tư này được xác định là thời hạn xét thăng cấp, nâng bậc lương theo quy định tại khoản 1 Mục II Thông tư số 10/2007/TT-BCA ngày 02/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện thăng cấp, nâng bậc lương hàng năm đối với sĩ quan, hạ sĩ quan trong lực lượng Công an nhân dân; Thông tư số

03/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức; và được tính từ thời điểm sĩ quan, công nhân viên công an được thăng cấp, nâng bậc lương hiện hưởng đến thời điểm nghỉ chờ hưu hoặc hưởng chế độ hưu trí. Không tính các năm sĩ quan, công nhân viên công an không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không tham gia bình xét thi đua do nghỉ công tác quá thời gian quy định.

Điều 5. Thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất

1. Sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất từ 04 năm trở lên, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương thì được xét thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương trước thời điểm hưởng chế độ hưu trí 03 tháng, cụ thể:

a) Nếu cấp bậc hàm, bậc lương hiện hưởng thấp hơn cấp bậc hàm, bậc lương cao nhất quy định đối với chức vụ, chức danh đảm nhiệm thì được thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương liền kề;

b) Nếu đang hưởng cấp bậc hàm cao nhất được 2/3 niên hạn trở lên thì được nâng lương cấp bậc hàm lần 1;

c) Nếu đang hưởng lương cấp bậc hàm lần 1 được 2/3 niên hạn trở lên thì được nâng lương cấp bậc hàm lần 2 và thăng cấp bậc hàm liền kề. Nếu đang hưởng lương cấp bậc hàm lần 2 thì được thăng cấp bậc hàm liền kề (trừ đối tượng không được xét thăng cấp bậc hàm quy định tại khoản 2 Điều 7).

2. Sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất dưới 04 năm, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương trước khi nghỉ chờ hưu thì nghỉ chờ hưu từ tháng nào được xét thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương từ tháng đó.

3. Riêng trường hợp sĩ quan là Thương binh hoặc mắc bệnh hiểm nghèo hoặc có thời gian công tác liên tục từ 15 năm trở lên (tính đến thời điểm nghỉ chờ hưu) tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,50 trở lên hoặc huyện đảo nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất thì được thực hiện thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương như sĩ quan nghỉ hưu khi đến hạn tuổi phục vụ cao nhất.

Chương 2.

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Thăng cấp, nâng lương cấp bậc hàm đối với sĩ quan giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy

1. Sĩ quan giữ chức vụ cấp Cục và tương đương, nếu đã được thăng cấp bậc hàm Đại tá (hoặc hưởng lương cấp bậc hàm Đại tá lần 1) được 2/3 niên hạn trở lên thì được xét nâng lương cấp bậc hàm Đại tá lần 1 (hoặc nâng lương cấp bậc hàm Đại tá lần 2). Nếu đã hưởng lương cấp bậc hàm Đại tá lần 2 (hệ số 8,60) thì giữ nguyên để thực hiện chế độ hưu trí.

2. Sĩ quan giữ chức vụ Trưởng phòng và tương đương đã được thăng cấp bậc hàm Đại tá (hệ số 8,00) được 2/3 niên hạn trở lên hoặc được thăng cấp bậc hàm Đại tá (hệ số 8,10) được 02 năm trở lên thì được xét nâng lương cấp bậc hàm Đại tá lần 1 (hệ số 8,40).

Ví dụ 1: Đồng chí Dương Văn K, Trưởng phòng Cục X, cấp bậc hàm Đại tá (hệ số 8,10/2010), nghỉ chờ hưu kể từ ngày 01/9/2013. Đồng chí K được xét nâng lương từ hệ số 8,10 lên hệ số 8,40, kể từ ngày 01/6/2013.

Sĩ quan giữ chức vụ Trưởng phòng và tương đương đã hưởng lương cấp bậc hàm Đại tá lần 1 (hệ số 8,40) thì giữ nguyên để thực hiện chế độ hưu trí.

3. Sĩ quan giữ chức vụ cấp Phòng và tương đương trở xuống (trừ đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này), hiện có cấp bậc hàm bằng hoặc thấp hơn cấp bậc hàm cao nhất quy định đối với chức vụ đảm nhiệm:

a) Nếu đang hưởng lương cấp bậc hàm lần 2 thì được xét thăng cấp bậc hàm liền kề trước khi nghỉ chờ hưu 06 tháng.

Ví dụ 2: Đồng chí Lê Văn C, Phó Trưởng phòng Cục V, cấp bậc hàm Thượng tá (hệ số 8,10/2012), nghỉ chờ hưu kể từ ngày 01/10/2013. Đồng chí C được xét thăng cấp bậc hàm từ Thượng tá (hệ số 8,10) lên Đại tá, kể từ ngày 01/4/2013;

b) Nếu đang hưởng lương cấp bậc hàm lần 1 được 2/3 niên hạn trở lên thì được xét nâng lương cấp bậc hàm lần 2 và thăng cấp bậc hàm liền kề.

Ví dụ 3: Đồng chí Hoàng Văn M, Phó Trưởng phòng Công an tỉnh H, cấp bậc hàm Thượng tá (hệ số 7,70/2009), nghỉ chờ hưu kể từ ngày 01/6/2013. Đồng chí M được xét nâng lương từ hệ số 7,70 lên hệ số 8,10 và thăng cấp bậc hàm từ Thượng tá lên Đại tá, kể từ ngày 01/3/2013;

c) Nếu đang hưởng lương cấp bậc hàm lần 1 chưa đủ 2/3 niên hạn hoặc đang hưởng cấp bậc hàm được 2/3 niên hạn trở lên thì được xét thăng cấp bậc hàm liền kề.

Ví dụ 4: Đồng chí Đỗ Đình H, Đội trưởng, Công an huyện Q, cấp bậc hàm Trung tá (hệ số 7,00/2012), nghỉ chờ hưu kể từ ngày 01/6/2013. Đồng chí H được xét thăng cấp bậc hàm từ Trung tá (hệ số 7,00) lên Thượng tá, kể từ ngày 01/3/2013.

4. Sĩ quan giữ chức vụ cấp phòng và tương đương trở xuống (trừ đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này), hiện có cấp bậc hàm cao hơn cấp bậc hàm cao nhất của chức vụ đảm nhiệm thì giữ nguyên để thực hiện chế độ hưu trí.

Riêng sĩ quan có thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu ở chiến trường B, C, K trước ngày 30/4/1975 hoặc tham gia công tác trước ngày 30/4/1975 được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến chống Mỹ hoặc là Thương binh (loại A), nếu khi nghỉ hưu đã được thăng cấp bậc hàm cao hơn cấp bậc hàm cao nhất quy định đối với chức vụ đảm nhiệm được 2/3 niên hạn trở lên thì trước khi hưởng chế độ hưu trí 03 tháng được xét nâng bậc lương lần 1 của cấp bậc hàm đó.

Ví dụ 5: Đồng chí Nguyễn Văn M (tham gia chiến đấu ở chiến trường B trước ngày 30/4/1975), Phó Trưởng phòng Cục X, cấp bậc hàm Đại tá/2010; hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/12/2013. Đồng chí M được xét nâng lương từ hệ số 8,00 lên hệ số 8,40, kể từ ngày 01/9/2013.

Điều 7. Thăng cấp, nâng lương cấp bậc hàm đối với sĩ quan nghiệp vụ không giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy

1. Sĩ quan nguyên là cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy (thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức lãnh đạo, chỉ huy theo quy định tại Thông tư số 26/2011/TT-BCA ngày 04/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an)

a) Sĩ quan thôi giữ chức vụ hoặc từ chức nhưng vẫn được bảo lưu phụ cấp chức vụ:

- Nếu nghỉ chờ hưu trong thời gian được bảo lưu phụ cấp chức vụ thì được xét thăng cấp, nâng lương như quy định đối với sĩ quan giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy đó (theo hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư này);

- Nếu nghỉ chờ hưu ngoài thời gian được bảo lưu phụ cấp chức vụ thì được xét nâng lương như sau: Đến thời điểm nghỉ chờ hưu đã được thăng cấp bậc hàm hoặc hưởng lương cấp bậc hàm lần 1 (quy định đối với chức vụ trước đây đảm nhiệm) được 2/3 niên hạn trở lên thì được xét nâng lương cấp bậc hàm lần 1 hoặc nâng lương cấp bậc hàm lần 2; không xét thăng cấp bậc hàm tiếp theo.

b) Sĩ quan bị miễn nhiệm hoặc thôi giữ chức vụ, từ chức nhưng không được bảo lưu phụ cấp chức vụ thì không được xem xét thăng cấp bậc hàm, nâng lương theo quy định đối với chức vụ đã đảm nhiệm.

2. Sĩ quan được bổ nhiệm chức danh có trần cấp bậc hàm Thượng tá, nếu đã được thăng cấp bậc hàm Thượng tá được 2/3 niên hạn trở lên thì được xét nâng lương cấp bậc hàm Thượng tá lần 1. Nếu đã được nâng lương cấp bậc hàm Thượng tá lần 1 được 2/3 niên hạn trở lên thì được xét nâng lương cấp bậc hàm lần 2. Nếu đã được nâng lương cấp bậc hàm Thượng tá lần 2 thì giữ nguyên để thực hiện chế độ hưu trí.

Riêng trường hợp sĩ quan có thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu ở chiến trường B, C, K trước ngày 30/4/1975 hoặc tham gia công tác trước ngày 30/4/1975 được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến chống Mỹ hoặc là Thương binh (loại A), nếu đã hưởng lương cấp bậc hàm Thượng tá lần 2 (hệ số 8,10) hoặc lương cấp bậc hàm Thượng tá lần 1 (hệ số 7,70) được 2/3 niên hạn trở lên thì được thăng cấp bậc hàm Đại tá (hệ số 8,10).

3. Sĩ quan hiện có cấp bậc hàm bằng hoặc thấp hơn cấp bậc hàm cao nhất quy định đối với chức danh công việc đảm nhiệm (trừ đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này):

a) Nếu đang hưởng lương cấp bậc hàm lần 2 thì được xét thăng cấp bậc hàm liền kề trước khi nghỉ chờ hưu 06 tháng.

Ví dụ 6: Đồng chí Hà Văn Đ, Điều tra viên Trung cấp, Công an tỉnh T, cấp bậc hàm Trung tá (hệ số 7,40/2012), nghỉ chờ hưu kể từ ngày 01/9/2013. Đồng chí Đ được xét thăng cấp bậc hàm từ Trung tá (hệ số 7,40) lên Thượng tá, kể từ ngày 01/3/2013;

b) Nếu đang hưởng lương cấp bậc hàm lần 1 được 2/3 niên hạn trở lên thì được nâng lương cấp bậc hàm lần 2 và thăng cấp bậc hàm liền kề.

Ví dụ 7: Đồng chí Nguyễn Thị Y, Giảng viên T31, cấp bậc hàm Trung tá (hệ số 7,00/2010), nghỉ chờ hưu kể từ ngày 01/8/2013. Đồng chí Y được xét nâng lương từ hệ số 7,00 lên hệ số 7,40 và thăng cấp bậc hàm từ Trung tá lên Thượng tá, kể từ ngày 01/5/2013;

c) Nếu đang hưởng lương cấp bậc hàm lần 1 nhưng chưa đủ 2/3 niên hạn trở lên hoặc hưởng cấp bậc hàm được 2/3 niên hạn trở lên thì được xét thăng cấp bậc hàm liền kề.

Ví dụ 8: Đồng chí Trần Ngọc N, Cảnh sát viên trung cấp Công an tỉnh K, cấp bậc hàm Trung tá (hệ số 7,00/2012), nghỉ chờ hưu kể từ ngày 01/7/2013. Đồng chí N được xét thăng cấp bậc hàm từ Trung tá (hệ số 7,00) lên Thượng tá, kể từ ngày 01/4/2013.

4. Sĩ quan (có trình độ trung cấp, đại học) hiện có cấp bậc hàm thấp hơn cấp bậc hàm Trung tá và đang hưởng lương cấp bậc hàm Trung tá (hệ số 6,60) trở xuống được 2/3 niên hạn trở lên, nếu đủ điều kiện về cấp học thì được xét thăng cấp bậc hàm và nâng lương cấp bậc hàm liền kề. Trường hợp thời gian hưởng lương cấp bậc hàm hệ số 6,60 chưa đủ 2/3 niên hạn để xét nâng lương cấp bậc hàm 7,00 thì chỉ được xét thăng cấp bậc hàm liền kề.

Ví dụ 9: Đồng chí Nguyễn Thành T, cán bộ Công an tỉnh H, cấp bậc hàm Đại úy (hệ số 6,60/2010), nghỉ chờ hưu kể từ ngày 01/9/2013. Đồng chí T được xét thăng cấp bậc hàm từ Đại úy lên Thiếu tá và nâng lương cấp bậc hàm từ hệ số 6,60 lên hệ số 7,00, kể từ ngày 01/6/2013.

5. Sĩ quan có trình độ sơ cấp, nếu trước đây đã được thăng cấp bậc hàm Thượng úy trở xuống và đang hưởng lương cấp bậc hàm Thiếu tá (hệ số 6,00) hoặc lương cấp bậc hàm Trung tá (hệ số 6,60) trở xuống thì khi nghỉ hưu được xét thăng cấp bậc hàm liền kề và giữ nguyên hệ số lương đang hưởng để thực hiện chế độ hưu trí. Nếu đã hưởng lương hệ số 6,00 trở lên và đã được thăng cấp bậc hàm Đại úy trở lên thì giữ nguyên cấp bậc hàm, hệ số lương đang hưởng để thực hiện chế độ hưu trí.

Ví dụ 10: Đồng chí Hoàng Minh P, qua đào tạo sơ cấp Cảnh sát, cán bộ Công an huyện E, cấp bậc hàm Thượng úy (hệ số 6,00/2004), nghỉ chờ hưu kể từ ngày 01/8/2013. Đồng chí P được xét thăng cấp bậc hàm từ Thượng úy lên Đại úy, kể từ ngày 01/5/2013 và giữ nguyên hệ số lương 6,00 để thực hiện chế độ hưu trí.

6. Thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương đối với sĩ quan công tác ở địa bàn có phụ cấp khu vực hệ số 0,50 trở lên hoặc tại các huyện đảo

a) Sĩ quan có trình độ sơ cấp hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ: Nếu đã được nâng lương cấp bậc hàm hệ số 6,00 hoặc hệ số 6,60 thì giữ nguyên để giải quyết chế độ hưu trí; không thăng cấp bậc hàm Thiếu tá.

b) Sĩ quan có trình độ trung cấp:

- Nếu đã được thăng cấp bậc hàm Thiếu tá được 2/3 niên hạn trở lên thì được xét nâng lương cấp bậc hàm hệ số 6,60; không thăng cấp bậc hàm Trung tá;

- Nếu đã được thăng cấp bậc hàm Trung tá được 2/3 niên hạn trở lên thì được xét nâng lương cấp bậc hàm Trung tá lần 1, hệ số 7,00. Nếu đã hưởng lương cấp bậc hàm Trung tá lần 1, hệ số 7,00 được 2/3 niên hạn trở lên thì được nâng lương cấp bậc hàm Trung tá lần 2, hệ số 7,40. Không thăng cấp bậc hàm Thượng tá.

c) Riêng sĩ quan có trình độ sơ cấp (hoặc trung cấp) nhưng có thời gian công tác liên tục từ 15 năm trở lên (tính đến thời điểm nghỉ chờ hưu) tại địa bàn có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,50 trở lên (không áp dụng đối với thành phố, thị xã) hoặc tại các huyện đảo thì được xét thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương như quy định chung đối với sĩ quan có trình độ trung cấp (hoặc đại học).

7. Sĩ quan không giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy có thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu ở chiến trường B, C, K trước ngày 30/4/1975 hoặc tham gia công tác trước ngày 30/4/1975 được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến chống Mỹ hoặc là Thương binh (loại A), nếu khi nghỉ hưu đã được thăng cấp bậc hàm cao hơn cấp bậc hàm cao nhất quy định đối với chức danh công việc hoặc trình độ đào tạo được 2/3 niên hạn trở lên thì trước khi hưởng chế độ hưu trí 03 tháng được xét nâng bậc lương lần 1 của cấp bậc hàm đó.

Ví dụ 11: Đồng chí Nguyễn Văn B (là thương binh loại A), cán bộ Công an tỉnh H, cấp bậc hàm Thượng tá (hệ số 7,30/2010), hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/8/2013. Đồng chí B được xét nâng lương cấp bậc hàm Thượng tá lần 1, hệ số 7,70, kể từ ngày 01/5/2013.

Điều 8. Thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương đối với sĩ quan chuyên môn kỹ thuật

1. Sĩ quan chuyên môn kỹ thuật (CMKT) khi nghỉ hưu, nếu đang hưởng bậc lương thấp hơn bậc lương tối đa quy định đối với nhóm, ngạch chức danh được 2/3 niên hạn trở lên thì được xét nâng bậc lương liền kề.

Trường hợp bậc lương mới được nâng ứng với cấp bậc hàm cao hơn thì đồng thời được thăng cấp bậc hàm.

2. Sĩ quan CMKT đang hưởng bậc lương tối đa quy định đối với nhóm, ngạch chức danh thì giữ nguyên để thực hiện chế độ hưu trí. Nếu đủ điều kiện quy định tại khoản 3, Mục III Thông tư số 02/2005/TT-BCA ngày 26/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương mới đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân viên công an trong lực lượng Công an nhân dân thì được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung.

3. Sĩ quan CMKT có thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu ở chiến trường B, C, K trước ngày 30/4/1975 hoặc tham gia công tác trước ngày 30/4/1975 được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến chống Mỹ hoặc là Thương binh (loại A), đang hưởng bậc lương cuối cùng (kể cả trường hợp đã được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung) ở ngạch chức danh sơ cấp (hoặc trung

cấp) được 02 năm trở lên thì được xét chuyển ngạch, nâng bậc lương trung cấp (hoặc cao cấp) cao hơn gần nhất.

Ví dụ 12: Đồng chí Lê Minh T, có thời gian tham gia chiến đấu tại chiến trường B từ năm 1974, cấp bậc hàm Trung tá CMKT, hệ số lương 6,20 (N1-TC) + 8% phụ cấp thâm niên vượt khung, được nghỉ chờ hưu kể từ ngày 01/7/2013. Đồng chí T được xét chuyển ngạch, nâng lương từ hệ số 6,20 (N1-TC) + 8% phụ cấp thâm niên vượt khung vào hệ số 6,80 (N2-CC) và thăng cấp bậc hàm từ Trung tá lên Thượng tá CMKT, kể từ ngày 01/4/2013.

Điều 9. Nâng bậc lương, chuyển diện bố trí đối với công nhân viên công an khi nghỉ hưu

1. Công nhân viên công an đang hưởng bậc lương thấp hơn bậc lương tối đa quy định theo bảng lương cán bộ, công chức, viên chức, nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xét nâng bậc lương liền kề. Trường hợp đang hưởng bậc lương tối đa quy định theo bảng lương cán bộ, công chức, viên chức thì giữ nguyên để thực hiện chế độ hưu trí. Nếu đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Mục III Thông tư số 02/2005/TT-BCA ngày 26/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương mới đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân viên công an trong lực lượng Công an nhân dân thì được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung.

2. Công nhân viên công an có thời gian tham gia chiến đấu ở chiến trường B, C, K trước ngày 30/4/1975 hoặc tham gia công tác trước ngày 30/4/1975 được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến chống Mỹ, nếu có nguyện vọng thì được chuyển diện bố trí cán bộ và phong cấp bậc hàm sĩ quan CMKT.

Chương 3.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2013.

2. Bãi bỏ quy định về thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương đối với sĩ quan, công nhân, viên chức công an nhân dân khi nghỉ hưu tại Mục IV Thông tư số 11/2008/TT-BCA(X13) ngày 06/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với sĩ quan, công nhân, viên chức Công an nhân dân nghỉ công tác hưởng chế độ hưu trí và những quy định trước đây của Bộ Công an trái với quy định tại Thông tư này.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục trưởng, thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

3. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân) để có hướng dẫn kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Các đồng chí Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Công an các đơn vị, địa phương (để thực hiện);
- Lưu: VT, V19, X11 (X33-P2).

Đại tướng Trần Đại Quang